

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 1996 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101124 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên - Huế cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và thay đổi lần thứ 11 ngày 08 tháng 11 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Yukio Takahashi	Chủ tịch
Ông Lê Bá Giang	Ủy viên
Ông Yoshida Tetsuya	Ủy viên
Ông Johnny Cheung - Ching Fu	Ủy viên
Ông Go Fujiyama	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Johnny Cheung - Ching Fu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Giang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Đức Quang	Trưởng ban
Bà Fumiyo Okuda	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Diệu Loan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn; .
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được lập ngày 20 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3 và Thuyết minh số 17 phần thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang ghi nhận và trình bày trên Báo cáo tài chính riêng khoản phải trả cho Ngân sách nhà nước với số tiền là 32 tỷ đồng liên quan đến việc thoái vốn của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế tại Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		59.324.501.413	75.279.355.333
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	40.308.057.461	49.702.780.078
111	1. Tiền		34.258.057.461	36.402.780.078
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.050.000.000	13.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		18.431.329.737	24.696.565.014
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	447.768.976	2.426.698.490
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.953.576.000	2.524.981.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	12.160.000.000	11.760.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	4.168.882.099	8.701.995.562
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(298.897.338)	(717.110.038)
140	IV. Hàng tồn kho	10	284.181.846	478.105.788
141	1. Hàng tồn kho		284.181.846	478.105.788
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		300.932.369	401.904.453
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	221.827.088	401.904.453
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		79.105.281	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		156.329.267.299	174.250.796.955
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.948.817.680	4.948.817.680
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	4.948.817.680	4.948.817.680
220	II. Tài sản cố định		27.377.196.932	27.826.200.782
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	26.376.065.786	26.818.676.198
222	- Nguyên giá		81.658.463.475	80.236.382.464
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(55.282.397.689)	(53.417.706.266)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.001.131.146	1.007.524.584
228	- Nguyên giá		1.308.338.000	1.308.338.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(307.206.854)	(300.813.416)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.987.154.311	12.187.957.370
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.987.154.311	12.187.957.370
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	114.687.099.966	124.466.952.484
251	1. Đầu tư vào công ty con		11.643.211.488	11.643.211.488
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		114.000.018.651	117.756.018.651
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	3.000.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.956.130.173)	(7.932.277.655)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.328.998.410	4.820.868.639
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	3.328.998.410	4.820.868.639
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		215.653.768.712	249.530.152.288

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		37.754.899.172	37.977.872.288
310	I. Nợ ngắn hạn		35.962.079.172	37.977.872.288
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	1.156.153.243	1.209.248.424
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		273.132.687	293.100.106
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	30.017.715	716.396.274
314	4. Phải trả người lao động		1.808.111.339	2.334.704.073
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	32.694.664.188	33.424.423.411
330	II. Nợ dài hạn		1.792.820.000	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	1.792.820.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		177.898.869.540	211.552.280.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	177.898.869.540	211.552.280.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		47.223.517.700	47.223.517.700
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(69.324.648.160)	(35.671.237.700)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(35.671.237.700)	(38.646.261.970)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(33.653.410.460)	2.975.024.270
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		215.653.768.712	249.530.152.288

Ngô Đức Chính

Người lập

Ngô Đức Chính

Kế toán trưởng

Lê Bá Giang

Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	18.703.097.139	54.384.469.909
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.703.097.139	54.384.469.909
11	4. Giá vốn hàng bán	22	20.448.582.429	40.475.579.742
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.745.485.290)	13.908.890.167
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.450.337.397	4.998.992.613
22	7. Chi phí tài chính	24	9.780.456.720	(947.926.937)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	25	1.033.802.570	1.859.303.224
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12.024.572.465	15.483.681.527
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(23.133.979.648)	2.512.824.966
31	11. Thu nhập khác	27	751.406.364	481.009.887
32	12. Chi phí khác	28	11.270.837.176	18.810.583
40	13. Lợi nhuận khác		(10.519.430.812)	462.199.304
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(33.653.410.460)	2.975.024.270
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(33.653.410.460)	2.975.024.270


 Ngô Đức Chính
 Người lập


 Ngô Đức Chính
 Kế toán trưởng


 Lê Bá Giang
 Phó Tổng Giám đốc


Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(33.653.410.460)	2.975.024.270
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.400.381.215	2.516.872.039
03	- Các khoản dự phòng		9.361.639.818	(950.459.735)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(6.425.693)	216.519
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		7.519.441.868	(5.461.392.017)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(14.378.373.252)	(919.738.924)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		4.653.667.696	302.724.661
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		193.923.942	(17.250.547)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.015.793.116)	124.984.918
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.671.947.594	4.657.245.924
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(180.872.316)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.874.627.136)	3.967.093.716
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.708.571.411)	(4.676.893.153)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	465.967.160
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(400.000.000)	(11.260.000.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.794.259.566	2.656.511.196
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.314.311.845)	(12.814.414.797)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.792.820.000	-
46	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.792.820.000	-

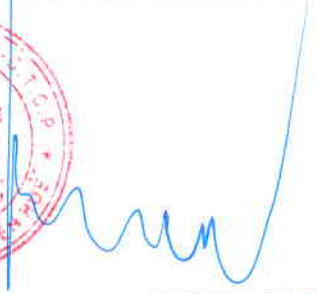
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(9.396.118.981)	(8.847.321.081)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		49.702.780.078	58.550.317.678
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.396.364	(216.519)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>40.308.057.461</u>	<u>49.702.780.078</u>


Ngô Đức Chính
Người lập


Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng



Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 02 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 1996 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101124 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên - Huế cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và thay đổi lần thứ 11 ngày 08 tháng 11 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 140 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 195 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình như mua bán hàng mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc như kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu như kinh doanh dịch vụ Karaoke;
- Điều hành tour du lịch như kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động như nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

- Dịch Covid-19 xảy ra từ đầu năm 2020 đến nay đã gây tác động tiêu cực đến hầu hết các nhóm ngành kinh tế trên thế giới. Trong đó, ngành du lịch là một trong những ngành chịu nhiều tác động do việc hạn chế di chuyển trong nước cũng như dừng hoàn toàn vận chuyển hành khách từ quốc tế vào Việt Nam. Điều này dẫn tới doanh thu trong năm của Công ty có sự sụt giảm 65% so với năm trước.

- Trong năm, theo Nghị quyết số 18/20/NQ-HĐQT ngày 30/06/2020 của Hội đồng quản trị và Biên bản thanh lý hợp đồng tư vấn dịch vụ kỹ thuật với Công ty TNHH Azula Management về việc tư vấn phác thảo ý tưởng đầu tư cơ sở vật chất của Khách sạn Hương Giang, Công ty đã ghi nhận toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến dự án vào chi phí khác. Do đó chi phí khác năm nay của Công ty tăng mạnh so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Khách sạn Hương Giang Resort & Spa

Địa chỉ

Huế

Hoạt động kinh doanh chính

Kinh doanh khách sạn

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao	
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.16 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	47.337.429	223.225.542
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽¹⁾	34.210.720.032	36.155.544.536
Tiền đang chuyển	-	24.010.000
Các khoản tương đương tiền ⁽²⁾	6.050.000.000	13.300.000.000
	40.308.057.461	49.702.780.078

(1) Tại ngày 31/12/2020, số dư tiền gửi không kỳ hạn là 34.210.720.032 đồng. Trong đó, số tiền 32.129.031.400 đồng là tiền thu được từ việc chuyển nhượng phần vốn của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế cho Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco, khoản tiền này bị hạn chế sử dụng theo Công văn số 1398/STC-TCDN ngày 26/5/2016 của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế.
(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 17).

(2) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 6.050.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế và Ngân hàng TMCP Đông Á với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	11.643.211.488	(4.310.620.232)	11.643.211.488	-
- Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	11.643.211.488	(4.310.620.232)	11.643.211.488	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	114.000.018.651	(6.645.509.941)	117.756.018.651	(4.932.277.655)
- Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	6.239.210.372	(2.632.366.216)	6.239.210.372	(1.176.277.655)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Huế (*)	-	-	1.200.000.000	(1.200.000.000)
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	940.000.000	(421.947.149)	940.000.000	-
- Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	50.720.625.000	(2.740.372.110)	50.720.625.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Việt Nhật (*)	-	-	2.556.000.000	(2.556.000.000)
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	34.416.633.279	(850.824.466)	34.416.633.279	-
- Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	21.683.550.000	-	21.683.550.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du Lịch Thuận An (*)	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)
	125.643.230.139	(10.956.130.173)	132.399.230.139	(7.932.277.655)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	11 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	100%	100%	Kinh doanh du lịch và đại lý vé máy bay

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	Thôn Loan Lý, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.	40,00%	40,00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	Phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	31,33%	31,33%	Sản xuất nước khoáng tinh khiết đóng chai và dịch vụ giặt là
- Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	50,00%	50,00%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	5 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	35,24%	35,24%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch
- Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	2 Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch

(*) Theo Nghị quyết số 23/20/NQ-HDQT ngày 30/10/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty quyết định xử lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn đã trích lập dự phòng toàn bộ từ năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An	-	-	717.110.038	(717.110.038)
- Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	224.461.576	-	117.295.834	-
- Phải thu khách hàng khác	223.307.400	-	1.592.292.618	-
	<u>447.768.976</u>	<u>-</u>	<u>2.426.698.490</u>	<u>(717.110.038)</u>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>224.461.576</u>	<u>-</u>	<u>117.295.834</u>	<u>-</u>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Thiết kế Quận Tám	-	-	1.366.100.000	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Thịnh Châu	1.512.576.000	-	672.256.000	-
- Công ty TNHH Kiến trúc và Quy hoạch WLA	200.000.000	-	100.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	241.000.000	-	386.625.000	-
	<u>1.953.576.000</u>	<u>-</u>	<u>2.524.981.000</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV. Lữ hành Hương Giang ⁽¹⁾	660.000.000	-	660.000.000	-
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành ⁽²⁾	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành ⁽³⁾	1.000.000.000	-	600.000.000	-
	<u>12.160.000.000</u>	<u>-</u>	<u>11.760.000.000</u>	<u>-</u>
Trong đó: Phải thu về cho vay các bên liên quan	<u>12.160.000.000</u>	<u>-</u>	<u>11.760.000.000</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

(1) Hợp đồng số 01/HGT-HGTravel-052019 và Phụ lục số 01/HGT-HGTravel-092020 ngày 17 tháng 08 năm 2020 với tổng số tiền 660.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động với thời hạn gia hạn 06 tháng kể từ ngày 17/08/2020 với lãi suất 7,6%/năm.

(2) Hợp đồng vay vốn số 01/KT-HG-122018 và Phụ lục số 04/KT-HG-062020 ngày 01/07/2020, với tổng số tiền là 10.500.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, kỳ hạn 06 tháng kể từ ngày 01/07/2020 với lãi suất 7,6%/năm.

(3) Bao gồm 02 hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 01/HGT-CIT-042020 và phụ lục số 01.3/HGT-CIT-122020 ngày 31/12/2020, với tổng số tiền là 600.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 01/01/2021 với lãi suất 7,6%/năm.

- Hợp đồng vay vốn số 02/HGT-CIT-012020 và phụ lục số 01/HGT-CIT-042020 ngày 30/04/2020, với tổng số tiền là 700.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, kỳ hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay lần đầu tiên với lãi suất 7,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	494.014.947	-	3.744.014.947	-
- Lãi cho vay phải thu từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	-	-	1.570.500.000	-
- Tạm ứng	61.000.000	-	563.000.000	-
- Dự án tiếp nhận Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	933.690.527	-	933.690.527	-
- Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	1.125.432.667	-	1.067.166.000	-
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	899.325.000	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	93.396.666	-	-	-
- Chi hệ Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	(298.897.338)	298.897.338	-
- Tiền thuế tiêu thụ đặc biệt nộp hộ VIP Club	220.639.373	-	220.639.373	-
- Doanh thu chưa xuất hóa đơn	26.958.521	-	227.656.978	-
- Phải thu khác	15.527.060	-	76.430.399	-
	4.168.882.099	(298.897.338)	8.701.995.562	-

8 . PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Đất Việt (*)	4.948.817.680	-	4.948.817.680	-
	4.948.817.680	-	4.948.817.680	-

(*) Đây là các khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và khoản ứng trước cho nhà thầu thi công hạng mục Thiền Đường Trần Nhân Tông (nay là Thiền Viện Hương Vân) thuộc dự án Trung Tâm Văn hóa Huyền Trân. Năm 2011, Công ty đã bàn giao cho Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Văn hóa Huyền Trân) để tiếp tục theo dõi và quyết toán chi phí thực hiện với các nhà thầu này.

c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan

	2.911.066.618	-	6.680.578.285	-
--	----------------------	----------	----------------------	----------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

9 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An	-	-	717.110.038	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	-	-	-
	298.897.338	-	717.110.038	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	140.547.070	-	284.656.539	-
Hàng hoá	143.634.776	-	193.449.249	-
	284.181.846	-	478.105.788	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Dự án cải tạo Khách sạn Hương Giang	-	8.964.422.798
- Dự án cải tạo Nhà hàng Festival, 11 Lê Lợi - TP.Huế (*)	5.987.154.311	3.223.534.572
	<u>5.987.154.311</u>	<u>12.187.957.370</u>

(*) Tên dự án: Cải tạo Nhà hàng Festival, 11 Lê Lợi - TP.Huế

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang;
- Mục đích xây dựng: kinh doanh nhà hàng và cho thuê;
- Địa điểm xây dựng: Số 11 Lê Lợi, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên - Huế;
- Tổng mức đầu tư: 23,3 tỷ đồng (tương đương 1 triệu USD);
- Thời gian bắt đầu thực hiện triển khai công trình và thời gian dự kiến hoàn thành: thực hiện trong quý IV/2019 và dự kiến hoàn thành trong quý I/2021;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Hiện tại dự án đang thực hiện phần lắp đặt hệ thống điều hòa, sang Quý I/2021 tiếp tục thực hiện và hoàn thiện phần nội thất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	59.602.214.476	11.252.690.675	8.648.935.669	732.541.644	80.236.382.464
- Mua trong năm	1.958.862.089	-	-	-	1.958.862.089
- Thanh lý, nhượng bán	(536.781.078)	-	-	-	(536.781.078)
Số dư cuối năm	61.024.295.487	11.252.690.675	8.648.935.669	732.541.644	81.658.463.475
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	39.898.054.287	10.655.106.145	2.132.004.190	732.541.644	53.417.706.266
- Khấu hao trong năm	1.599.304.981	206.022.915	588.659.881	-	2.393.987.777
- Thanh lý, nhượng bán	(529.296.354)	-	-	-	(529.296.354)
Số dư cuối năm	40.968.062.914	10.861.129.060	2.720.664.071	732.541.644	55.282.397.689
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	19.704.160.189	597.584.530	6.516.931.479	-	26.818.676.198
Tại ngày cuối năm	20.056.232.573	391.561.615	5.928.271.598	-	26.376.065.786
<i>Trong đó:</i>					

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.363.294.908 đồng.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	999.000.000	309.338.000	1.308.338.000
Số dư cuối năm	999.000.000	309.338.000	1.308.338.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	300.813.416	300.813.416
- Khấu hao trong năm	-	6.393.438	6.393.438
Số dư cuối năm	-	307.206.854	307.206.854
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	999.000.000	8.524.584	1.007.524.584
Tại ngày cuối năm	999.000.000	2.131.146	1.001.131.146

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 02 Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế với diện tích là 166 m² đang được Công ty sử dụng làm trụ sở văn phòng.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	175.501.369
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	221.827.088	226.403.084
	221.827.088	401.904.453
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	736.990.233	1.716.117.678
Phí cải tạo tài sản	972.957.785	1.346.211.177
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.619.050.392	1.758.539.784
	3.328.998.410	4.820.868.639

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	332.110.639	752.138.092	1.081.797.961	-	2.450.770
Thuế Thu nhập cá nhân	-	32.085.486	492.930.973	499.168.323	-	25.848.136
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	346.260.250	6.577.541.358	6.923.801.608	-	-
Các loại thuế khác	-	3.046.102	63.056.447	65.221.108	-	881.441
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.893.797	57.053.624	59.110.053	-	837.368
	-	716.396.274	7.942.720.494	8.629.099.053	-	30.017.715

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Mai Foods	59.464.560	59.464.560	179.808.405	179.808.405
- Công ty TNHH Giặt là Bình Minh	-	-	116.879.000	116.879.000
- Công ty TNHH Đạt Long Thịnh	616.404.000	616.404.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	480.284.683	480.284.683	912.561.019	912.561.019
	1.156.153.243	1.156.153.243	1.209.248.424	1.209.248.424

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Phải trả về thu hộ chuyển nhượng vốn của Nhà Nước (*)	32.129.031.400	32.064.668.451
- Thu hồi vốn góp tại Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc đang chờ quyết toán	518.052.851	518.052.851
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.579.937	841.702.109
	32.694.664.188	33.424.423.411

(*) Đây là số tiền phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng vốn số 18/HĐCNV ngày 30/3/2016 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (bên chuyển nhượng) và Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco (bên nhận chuyển nhượng) với các thông tin như sau:

- Người đại diện bên chuyển nhượng: Ông Nguyễn Quốc Thành - Chủ tịch HĐQT - Người đại diện chính phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang, theo Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số lượng 12.572.200 cổ phần, tương đương tổng mệnh giá 125.722.000.000 đồng, chiếm 62,86% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang.

- Tổng giá trị chuyển nhượng: 158.409.520.000 đồng.

- Tài khoản nhận tiền chuyển nhượng là tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang.

Công ty đã chuyển trả số tiền là 126 tỷ đồng theo các văn bản yêu cầu của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền còn lại sẽ được chuyển trả khi có yêu cầu. Tại thời điểm 31/12/2020, số tiền còn lại này bị hạn chế sử dụng theo Công văn 1398/STC - TCDN ngày 25 tháng 06 năm 2016 của Sở Tài chính Tỉnh Thừa Thiên Huế. (Xem thêm tại Thuyết minh số 3).

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

18. VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Gía trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Gía trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	1.792.820.000	-	1.792.820.000	1.792.820.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			1.792.820.000	1.792.820.000

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn:

Hợp đồng tín dụng số 09-2019/HUONGGIANG.VCB ngày 01 tháng 10 năm 2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 16.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư cải tạo trung tâm Dịch vụ Le Cerele Sportif tại đại chi 11 Lê Lợi, Thành phố Huế;
- Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng;
- Lãi suất cho vay: 9%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.792.820.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 0 VND;
- Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUƠNG GIANG

Báo cáo tài chính riêng

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000		47.223.517.700		(38.646.261.970)		208.577.255.730	
Lãi trong năm trước	-		-		2.975.024.270		2.975.024.270	
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000		47.223.517.700		(35.671.237.700)		211.552.280.000	
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000		47.223.517.700		(35.671.237.700)		211.552.280.000	
Lỗ trong năm nay	-		-		(33.653.410.460)		(33.653.410.460)	
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000		47.223.517.700		(69.324.648.160)		177.898.869.540	

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm (*)		Tỷ lệ		Đầu năm		Tỷ lệ	
	VND		(%)		VND		(%)	
Công ty TNHH Tập đoàn BITECO	18.228.770.000		9,11%		18.228.770.000		9,11%	
Crystal Treasure Limited	91.000.000.000		45,50%		91.000.000.000		45,50%	
Lê Thị Ngọc Thùy	14.000.000.000		7,00%		14.000.000.000		7,00%	
Công ty TNHH Thạch Anh Trắng	19.252.230.000		9,63%		19.252.230.000		9,63%	
Công ty TNHH Tấn Trường	40.000.000.000		20,00%		40.000.000.000		20,00%	
Các cổ đông khác	17.519.000.000		8,76%		17.519.000.000		8,76%	
	200.000.000.000		100%		200.000.000.000		100%	

(*) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt nam tại ngày 31/12/2020.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với nội dung chi tiết như sau:

- Hợp đồng thuê đất tại Số 51 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 1998 đến năm 2028. Diện tích khu đất thuê là 13.508 m². Công ty đang kinh doanh khách sạn (Hương Giang Hotel) và nhà hàng. Theo hợp đồng số 67/HĐTĐ ngày 23/12/2010 Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại Số 11 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 2001 đến năm 2031. Diện tích khu đất thuê là 6.248,3 m². Công ty đang kinh doanh nhà hàng Festival Huế. Theo hợp đồng số 28/HĐTĐ ngày 18/05/2018 Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại Số 30 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 2004 đến năm 2044. Diện tích khu đất thuê là 7.702 m². Công ty đang liên doanh cùng với Công ty Sài Gòn Tourist để kinh doanh nhà hàng và khách sạn. Theo hợp đồng số 34/HĐ-TĐ ngày 09/11/2004 Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại Số 101 Hùng Vương (trước đây là Số 41 Hùng Vương) để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 2000 đến ngày 16 tháng 10 năm 2020. Diện tích khu đất thuê là 595,1 m². Hiện tại Công ty đang hoạt động kinh doanh nhà hàng. Theo hợp đồng số 90/HĐTĐ ngày 25 tháng 10 năm 2012 Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty chưa thực hiện gia hạn hợp đồng thuê đất mới.
- Hợp đồng thuê đất tại Số 51 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh từ ngày 06/12/2019 đến ngày 16/05/2024. Diện tích khu đất thuê là 680 m². Hiện tại Công ty đang sử dụng làm cảnh quan hồ Mất Ngọc tại khách sạn Hương Giang Hotel. Theo hợp đồng số 88/HĐTĐ ngày 06/12/2019 Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	7.706,70	4.288,96
- Đồng Euro (EUR)	442,23	453,15

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu cho thuê phòng, dịch vụ nhà hàng	16.949.177.917	47.505.247.685
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.753.919.222	6.879.222.224
	18.703.097.139	54.384.469.909
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	258.898.689	381.079.911

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn cho thuê phòng và dịch vụ nhà hàng	18.738.731.673	36.834.235.661
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.709.850.756	3.641.344.081
	20.448.582.429	40.475.579.742
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	31.344.000	135.994.800

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.443.584.566	1.745.424.857
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.250.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	327.138	3.567.756
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	6.425.693	-
	1.450.337.397	4.998.992.613
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	999.665.333	1.006.934.857

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	604.202	2.316.279
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	216.519
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	9.779.852.518	(950.459.735)
	9.780.456.720	(947.926.937)

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.506.892	122.551.728
Chi phí nhân công	833.746.513	1.476.279.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.745.069	103.711.574
Chi phí khác bằng tiền	91.804.096	156.759.956
	1.033.802.570	1.859.303.224

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	617.783.439	1.952.453.389
Chi phí nhân công	7.332.547.674	8.875.193.487
Chi phí khấu hao tài sản cố định	733.359.223	715.397.279
Chi phí dự phòng	298.897.338	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.947.662.330	2.784.248.255
Chi phí khác bằng tiền	1.094.322.461	1.156.389.117
	12.024.572.465	15.483.681.527

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.396.364	465.967.160
Thu nhập khác	750.010.000	15.042.727
	751.406.364	481.009.887

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thanh lý hợp đồng tư vấn quản lý và vận hành (*)	8.964.422.798	-
Tiền thuê đất tại 11 - Lê Lợi	2.305.323.390	-
Chi phí khác	1.090.988	18.810.583
	11.270.837.176	18.810.583

(*) Theo Nghị quyết số 18/20/NQ-HĐQT ngày 30/06/2020 và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 30/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang và Công ty TNHH Azula Management, Công ty quyết định ghi nhận toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng tư vấn quản lý và vận hành khách sạn với Công ty TNHH Azula Management vào chi phí trong năm.

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(33.653.410.460)	2.975.024.270
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(3.250.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(3.250.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(33.653.410.460)	(274.975.730)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.849.097.050	14.465.932.142
Chi phí nhân công	14.217.630.047	21.882.165.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.400.381.215	2.516.872.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.780.226.604	13.569.326.920
Chi phí khác bằng tiền	2.259.622.548	4.542.484.314
	33.506.957.464	56.976.780.857

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2020	01/01/2020
		Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.308.057.461	-	49.702.780.078
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.565.468.755	(298.897.338)	16.077.511.732
Các khoản cho vay	12.160.000.000	-	11.760.000.000
	62.033.526.216	(298.897.338)	77.540.291.810

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		1.792.820.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác		33.850.817.431	34.633.671.835
		35.643.637.431	34.633.671.835

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.308.057.461	-	-	40.308.057.461
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.317.753.737	-	4.948.817.680	9.266.571.417
Các khoản cho vay	12.160.000.000	-	-	12.160.000.000
	56.785.811.198	-	4.948.817.680	61.734.628.878

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.702.780.078	-	-	49.702.780.078
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.411.584.014	4.948.817.680	-	15.360.401.694
Các khoản cho vay	11.760.000.000	-	-	11.760.000.000
	71.874.364.092	4.948.817.680	-	76.823.181.772

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	-	1.792.820.000	-	1.792.820.000
Phải trả người bán, phải trả khác	33.850.817.431	-	-	33.850.817.431
	33.850.817.431	1.792.820.000	-	35.643.637.431
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	34.633.671.835	-	-	34.633.671.835
	34.633.671.835	-	-	34.633.671.835

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và sổ dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		258.898.689	381.079.911
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Công ty con	258.898.689	372.379.911
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	Cổ đông lớn	-	8.700.000
Mua hàng và dịch vụ		31.344.000	135.994.800
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Công ty con	31.344.000	135.994.800
Doanh thu hoạt động tài chính		999.665.333	1.006.934.857
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Công ty con	29.318.667	64.082.774
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Công ty liên kết	899.325.000	923.257.500
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	Công ty liên kết	71.021.666	19.594.583
Cổ tức		-	3.250.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Morin	Công ty liên doanh	-	3.250.000.000

Sổ dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng		224.461.576	117.295.834
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Công ty con	224.461.576	117.295.834
Phải thu về cho vay		12.160.000.000	11.760.000.000
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Công ty con	660.000.000	660.000.000
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Công ty liên kết	10.500.000.000	10.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	Công ty liên kết	1.000.000.000	600.000.000
Phải thu khác		2.911.066.618	6.680.578.285
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Công ty con	1.619.447.614	1.561.180.947
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	Cổ đông lớn	-	1.570.500.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	Công ty liên kết	298.897.338	298.897.338
Công ty TNHH Sài Gòn Morin	Công ty liên doanh	-	3.250.000.000
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Công ty liên kết	899.325.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	Công ty liên kết	93.396.666	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Johnny Cheung Ching Fu ⁽¹⁾	680.775.834	739.813.494
Lê Bá Giang ⁽²⁾	1.112.559.443	774.885.710
Yoshida Tetsuya ⁽³⁾	504.123.684	273.186.335

(1) Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

(2) Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

(3) Thành viên Hội đồng quản trị

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ngô Đức Chính
Người lập

Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng



Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 02 năm 2021

